TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 26 - 11 - 2019.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Phùng.

Bà Lê Thị Hồng Nhan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2019/TLST - HNGĐ, ngày 12/8/2019 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 14/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu S, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Phạm Hoàng D, sinh năm 1996 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 11/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Thu S trình bày: Chị và anh Phạm Hoàng D tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/12/2018, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến cách nay khoảng 04 tháng thì xảy ra mâu thuẫn do không còn tình cảm, không còn yêu thương nhau nữa. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh D. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Phạm Hoàng D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phạm Thị Thu S có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Hoàng D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu S và anh Phạm Hoàng D, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/12/2018. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân chị S cho rằng vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của S và anh D chỉ tồn tại trong thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân, thời gian sống ly thân anh chị không có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh D đến Tòa án để tham gia hòa giải quan hệ hôn nhân với chị S, mục đích để anh chị hàn gắn nhưng anh D không đến Tòa án để tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ anh D có ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm với chị S. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng chị S, anh D là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị S trình bày không có con chung, đối với anh D trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến trình bày về việc giữa anh và chị S có con chung hay không nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S trình bày không có, đối với anh D trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến gì về các vấn đề nêu trên nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định anh chị có tài sản chung và nợ chung hay không nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền yêu cầu giải quyết ở vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ nộp án phí: Chị Phạm Thị Thu S phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu S.

Chị Phạm Thị Thu S được ly hôn với anh Phạm Hoàng D.

[2] Về con chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: Không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn chị Phạm Thị Thu S phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã P, huyện M,
tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx, ngày 13/12/2018) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện